

BƯỚC THOÁI TRÀO CỦA PHONG TRÀO CỘNG SẢN Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN PHÁT TRIỂN - NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC

TS HỒ CHÂU*

Eác đảng cộng sản (ĐCS) ở các nước tư bản phát triển (TBPT), một bộ phận quan trọng của phong trào cộng sản thế giới, đã từng có vai trò trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội ở các nước này. Nhưng từ những năm 80 của thế kỷ trước, các ĐCS các nước TBPT ngày càng suy yếu, đặc biệt là sau khi Liên Xô tan rã lại càng trầm trọng hơn và phải đối mặt với sự tồn vong.

1. ĐCS các nước Tây Âu là bộ phận chủ yếu của phong trào cộng sản ở các nước TBPT. Từ sau chiến tranh thế giới (CTTG) thứ II đến nay, các Đảng này đã phải trải qua những chặng đường đầy khó khăn.

Trong CTTG II, phần lớn các ĐCS ở các nước Tây Âu đã kết hợp với các lực lượng tiến bộ tổ chức, lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang chống chủ nghĩa phát xít trong nước và có những hy sinh, cống hiến to lớn. Thời kỳ đầu sau chiến tranh, các ĐCS đã giành được địa vị hợp pháp; phát huy vai trò to lớn trong đời sống chính trị các nước. Có thể nói, *thời kỳ đầu sau chiến tranh là thời kỳ cao trào, thời kỳ hoàng kim trong lịch sử phát triển của phong trào cộng sản ở các nước TBPT.*

Sau chiến tranh, Liên Xô ngày càng lớn mạnh, hàng loạt nước Đông Âu bước lên con đường XHCN, ĐCS ở các nước TBPT cũng trưởng thành. Trong khi đó, ở các quốc gia Tây Âu, nền kinh tế phục hồi chậm chạp, giai cấp

tư sản khủng hoảng trầm trọng, mâu thuẫn với các nước XHCN thêm sâu sắc. Để ngăn chặn CNCS, đế quốc Mỹ đã áp dụng chính sách kiểm chế về chính trị, thực hiện chiến lược chiến tranh lạnh đối với Liên Xô và các nước XHCN; triển khai kế hoạch Mácsan giúp đỡ các nước Tây Âu khôi phục kinh tế. Giai cấp tư sản Tây Âu được sự giúp đỡ to lớn của Mỹ đã thực thi chính sách đàn áp, bài xích các ĐCS. Nhiều ĐCS như Pháp, Italia bị gạt ra khỏi bộ máy chính quyền Nhà nước, trở thành các đảng đối lập. *Đây là lần thoái trào đầu tiên của phong trào cộng sản ở các nước TBPT kể từ sau CTTG II.*

Từ cuối những năm 40 (thế kỷ XX), tuy bị bài xích, hoạt động trong điều kiện khó khăn hơn, vai trò, địa vị và ảnh hưởng sa sút, nhưng lực lượng các ĐCS Tây Âu vẫn còn mạnh. Các ĐCS vẫn tiếp tục thông qua chính quyền địa phương, các tổ chức cộng đoàn lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ lợi ích của những người lao động và vẫn tiếp tục phát huy vai trò quan trọng trên vũ đài chính trị ở các nước TBPT.

Các ĐCS chịu ảnh hưởng tiêu cực từ sau sự kiện quan trọng: Đại hội ĐCS Liên Xô lần thứ XX (2 - 1956). Tại Đại hội này, Khrútốp đã quyết liệt phê phán Stalin, gây rối loạn về tư tưởng trong ĐCS ở các nước TBPT. Tình hình ở Ba Lan, Hungari làm giảm sút uy tín của ĐCS cầm quyền. Giai cấp tư sản phương Tây nhân cơ hội kích động phong trào chống cộng, gây tổn thất nặng nề cho các ĐCS ở khu vực này. *Phong trào cộng sản ở các nước TBPT rơi vào thời kỳ thoái trào lần thứ 2.*

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Đến cuối những năm 60 của thế kỷ XX, khi các ĐCS Tây Âu đã có bước phục hồi thì lại vấp phải sự mâu thuẫn sâu sắc, chia rẽ nghiêm trọng giữa ĐCS Liên Xô và ĐCS Trung Quốc. Hai đảng lớn mâu thuẫn và tranh luận gay gắt xung quanh các vấn đề có tính lý luận như về phương thức quá độ từ CNTB lên CNXH, về mối quan hệ giữa các ĐCS trong phong trào cộng sản quốc tế, quan hệ giữa các nhà nước XHCN, về quy luật chung của cách mạng XHCN và xây dựng CNXH... đã đẩy phong trào cộng sản đến chỗ chia rẽ sâu sắc, làm phân liệt, giảm sút sức mạnh của các ĐCS ở các nước Tây Âu.

Tất cả các cuộc cải cách kinh tế ở các nước Đông Âu trong thời gian này được tiến hành dưới sự kiểm soát kỹ từ phía Liên Xô. Thái độ nghi ngờ và chống cải cách của Brêgionép từ cuối những năm 60 đã báo trước sự hạn chế và kết thúc sớm của mọi cuộc cải cách¹. Những sự kiện này một lần nữa làm tổn hại đến danh dự và niềm tin vào XHCN. Tai hại hơn là đã gây tâm lý nghi ngờ, tư tưởng rối loạn trong nội bộ các ĐCS Tây Âu. Có lúc người ta đã phải tranh luận xem nên ủng hộ hay phản đối Liên Xô trong các sự kiện đó. Hậu quả là một lần nữa đẩy phong trào cộng sản Tây Âu vào tình trạng phân liệt về tổ chức. *Các ĐCS ở các nước TBPT lâm vào thoái trào lần thứ 3.*

Bước vào thập kỷ 70 của thế kỷ XX, các ĐCS ở các nước TBPT đã cố gắng tìm kiếm con đường độc lập. 18 ĐCS (chủ yếu là các ĐCS Italia, Pháp, Tây Ban Nha, Nhật Bản, v.v...) đi theo "CNCS châu Âu", nhấn mạnh: "Kết hợp chủ nghĩa Mác cách mạng với thực tiễn cụ thể ở Tây Âu", khác với con đường của các đảng xã hội-dân chủ Tây Âu. Sau khi ra đời, "CNCS châu Âu" đã có bước phát triển tương đối thuận lợi, sức mạnh và ảnh hưởng tăng lên. Đến đầu những năm 80, các ĐCS Tây Âu đã có 2,8 triệu đảng viên (chiếm 75% số đảng viên cộng sản ở các nước TBPT). Một số ĐCS còn nắm giữ

một phần công việc quản lý hành chính trong nước từ trung ương đến địa phương. Ngoài ra, còn có nhiều tổ chức quần chúng như công đoàn, đoàn thanh niên, phụ nữ, hợp tác xã,... *Đây là thời kỳ phục hồi (cũng có thể gọi là thời kỳ "trung hưng") của ĐCS ở các nước TBPT.*

Cuối thập niên 80 đầu thập niên 90, do ảnh hưởng tiêu cực từ sự kiện Liên Xô, Đông Âu tan rã, ĐCS các nước Tây Âu cũng gần như tan rã theo. Điều này được biểu hiện như sau:

- Sức mạnh và ảnh hưởng chính trị của các ĐCS đều sút kém nghiêm trọng. Thời kỳ đầu sau khi Liên Xô tan rã, phần lớn các ĐCS ở các nước TBPT đều lâm vào tình trạng rối loạn về tư tưởng, phân liệt về tổ chức. Có đảng đã tuyên bố giải tán, có đảng thay đổi tính chất và tên gọi. Hầu hết ở các đảng diễn ra tình trạng đảng viên ra khỏi đảng, sức mạnh của đảng giảm sút nghiêm trọng. Điển hình là ở khu vực châu Âu, từ 35 đảng đã giảm xuống còn 21 đảng, từ hơn 2,8 triệu đảng viên giảm xuống còn không đầy một triệu². Tổng số nghị sĩ quốc hội là đảng viên cộng sản ở các nước giảm từ 254 xuống còn 89. Hiện nay, ngoài một số ít ĐCS như Bồ Đào Nha, Pháp, Nhật Bản,... còn có lực lượng và ảnh hưởng nhất định trên vũ đài chính trị, còn những đảng khác rất khó có thể được xem là một lực lượng chính trị độc lập. Ở một số ĐCS còn hoạt động, tình trạng cũng không giống nhau. ĐCS Pháp năm 2002 có khoảng 18 nghìn đảng viên. Năm 1995 và năm 1997, trong các cuộc bầu cử Tổng thống và Quốc hội, số phiếu mà họ nhận được chiếm 8,64% và 9,94%, có được 36 ghế nghị sĩ và đã tham gia liên minh cánh tả để thành lập Chính phủ (nhưng đến năm 2002, trong cuộc bầu cử Tổng thống và Quốc hội, số phiếu chỉ còn 3,37% ở vòng 1, có 20 ghế nghị sĩ, trở thành một đảng nhỏ).

- Môi trường chính trị ngày càng xấu, các ĐCS phải đối mặt với những khó khăn to lớn.

Sau khi Liên Xô tan rã, CNTB và các thế lực phản động, thậm chí cả các đảng xã hội- dân

chủ sử dụng các phương tiện thông tin khuấy động tư tưởng chống cộng với lý lẽ ĐCS không còn lý do tồn tại, nên "giải tán ĐCS", "xoá bỏ ĐCS". Đồng thời trong xã hội, chủ nghĩa tự do mới có xu hướng phục hồi, lòng tin đối với CNXH giảm sút, rất khó thu hút và tập hợp quần chúng.

- Xu hướng xã hội-dân chủ ngày càng tăng, trong lúc đó tính độc lập sáng tạo trong cương lĩnh, đường lối của các ĐCS dần dần không còn nữa. Những năm 80, chủ nghĩa cải lương rất thịnh hành trong các ĐCS Tây Âu, phổ biến là chủ trương xoá bỏ chuyên chính vô sản, bắt đầu xuất hiện xu hướng "xã hội-dân chủ hoá" ĐCS. Sau khi Liên Xô không còn nữa, do trào lưu xã hội-dân chủ phát triển tràn lan, ĐCS mạnh nhất ở Tây Âu là ĐCS Italia cũng đổi tên thành Đảng dân chủ cánh tả, từ bỏ chủ nghĩa Mác, chuyển sang xã hội-dân chủ, gia nhập vào phong trào Quốc tế xã hội, trở thành Đảng xã hội-dân chủ thực sự. Cố nhiên, đây chỉ là một xu hướng điển hình. Còn các ĐCS Pháp, Nhật Bản vẫn kiên trì tên gọi và mục tiêu phấn đấu, tiến hành cải tổ và tìm tòi sáng tạo nên đã có bước phát triển mới. Tuy nhiên, trong cương lĩnh, chiến lược và phương châm hành động, các đảng này cũng đã xoá bỏ vai trò lãnh đạo của đảng và nguyên tắc tập trung dân chủ. Họ cũng không nêu vai trò chỉ đạo tư tưởng của chủ nghĩa Mác. Họ ủng hộ chế độ đa đảng dân chủ XHCN. Các đảng này còn nhấn mạnh phải chuyển từ chính đảng của giai cấp thành liên hiệp của các giai cấp. Trong hành động chính trị, họ chủ trương kết hợp với Đảng xã hội - dân chủ thành liên minh cánh tả.

2. Sự sa sút của các ĐCS ở các nước TBPT do nhiều nguyên nhân rất phức tạp, có thể đề cập một số nguyên nhân sau:

Ngay trong lòng các nước TBPT, phương thức sản xuất, cơ cấu giai cấp, đời sống chính trị-kinh tế-xã hội đều đã có những thay đổi to lớn, làm suy yếu cơ sở giai cấp của các ĐCS.

Từ sau CTTG II đến nay, dưới tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học-kỹ thuật

mới, phương thức sản xuất đã có những thay đổi mang tính cách mạng, đã chuyển từ xã hội công nghiệp sang xã hội thông tin. Trong tiến trình này, cơ cấu ngành nghề ở các nước TBPT có những thay đổi rất cơ bản. Trong GDP, nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 2%, công nghiệp - chế tạo chiếm khoảng 30 - 40%, khoảng 60% còn lại thuộc về ngành dịch vụ. Điều đáng chú ý là trong xã hội thông tin, trước hết là ngành bưu chính viễn thông phát triển hết sức mạnh mẽ, trở thành ngành chủ yếu trong nền kinh tế. Sự thay đổi cơ cấu ngành nghề đã dẫn đến thay đổi cơ cấu nghề nghiệp và cơ cấu giai cấp trong xã hội. Từ năm 1961 đến 1988, ở Anh công nhân công nghiệp đã giảm 44%, Pháp giảm 30%, Thụy Sĩ giảm 24%, CHLB Đức giảm 18%. Riêng ở Mỹ, năm 2000 công nhân "cổ xanh" chiếm chưa đầy 10% số người lao động. Trong đội quân lao động xã hội, có đến 60 - 70% là những người có trình độ khoa học - kỹ thuật, là nhân viên trong hệ thống tin học, là người quản lý, nhà giáo, các nhà khoa học... tạo thành mô hình nhân viên trí thức, người ta gọi họ là *tầng lớp trung gian mới*. Những thay đổi này ảnh hưởng rất lớn đến cơ sở xã hội, cơ cấu giai cấp của các ĐCS - đó là sự giảm sút những công nhân làm việc trong ngành dệt, gang thép, chế tạo cơ khí, khai thác hầm mỏ,... Ở thời Mác - Ăngghen, thậm chí cả thời kỳ đầu sau chiến tranh, công nhân trong các ngành nghề đó là đại biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến. Họ có số lượng đông đảo, được tổ chức chặt chẽ, có sức mạnh thực sự, giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị. Đó là chỗ dựa vững chắc của các ĐCS. Nhưng dưới tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học - kỹ thuật, từ sau CTTG II, các ngành công nghiệp này dần trở thành những ngành nghề "xế chiều", số lượng công nhân giảm mạnh; cơ sở giai cấp - xã hội, lực lượng ủng hộ các ĐCS vì vậy cũng giảm sút.

Các nước tư bản phát triển tương đối ổn định, thực lực kinh tế tăng khá nhanh. Đời sống

kinh tế, chính trị, xã hội đã thay đổi rõ rệt. Mức sống trung bình của người dân được nâng cao, hầu hết các nước đều có chế độ phúc lợi xã hội, phạm vi mở rộng trên tất cả các mặt: sinh, lão, bệnh, tử, thương tật, tàn phế, cô đơn, quả phụ, thất nghiệp, thất học,... Hệ thống bảo hiểm xã hội nhà nước bảo đảm an toàn cơ bản cho mỗi thành viên chính thức của xã hội. Đến cuối những năm 90, chi phúc lợi xã hội của chính phủ các nước TBPT chiếm từ 1/3 đến 1/2 tổng chi của Nhà nước. Song song với nâng cao thu nhập của người lao động, hiện tượng phân tán hoá cổ phiếu cũng đã phát triển. Hiện nay, ở Mỹ đã có 76 triệu cổ phiếu công dân, chiếm 43% dân số. Mỹ là nước có số lượng cổ phiếu gia đình rất lớn (năm 1995, 40,3% gia đình ở Mỹ có cổ phiếu). Đồng thời, dân chủ về chính trị cũng không ngừng được nâng lên. Công dân thanh niên, hầu hết được đi bỏ phiếu; các quyền thông tin, ngôn luận, tổ chức lập hội dần dần được bảo đảm. Trong bối cảnh đó, ý thức giai cấp, quan điểm và hành động chính trị trong xã hội có thay đổi khá lớn. Sự đối lập giữa lao động và tư bản giảm xuống tương đối. Chế độ hiện hành được đông đảo công chúng thừa nhận. Chính những điều đó đã làm cho những chủ trương và biện pháp có tính cấp tiến của các ĐCS Tây Âu được hình thành từ thời kỳ sau chiến tranh, dần dần mất đi tính hấp dẫn đối với đông đảo nhân dân lao động, đội ngũ của Đảng dần bị thu hẹp.

Sự thay đổi lực lượng chính trị của các nước TBPT dẫn đến phân hoá chỗ dựa của các ĐCS.

Sau hơn 20 năm liên tục phát triển, từ những năm 70, vấn đề bảo vệ môi trường, quyền lợi của phụ nữ đã nổi lên thành mâu thuẫn trong xã hội. Để giải quyết những vấn đề này, ở các nước TBPT đã dấy lên hàng loạt phong trào xã hội mới, nổi bật là phong trào bảo vệ môi trường sinh thái, phong trào hoà bình, bảo vệ quyền lợi phụ nữ. Tiêu biểu là các Đảng Xanh với tôn chỉ bảo vệ môi trường sinh

thái. Nếu những năm 70, Đảng Xanh mới xuất hiện và hoạt động lẻ tẻ ở vài quốc gia thì đến nay đã phát triển rộng khắp ở các nước TBPT, thâm nhập vào cả nghị viện các nước và Nghị viện châu Âu. Họ đã giành được ngày càng nhiều phiếu ủng hộ trong các cuộc bầu cử. Ở nhiều nước, Đảng Xanh đã có đến 20% số phiếu bầu. Vào các năm 1996, 1997 và 1998, các Đảng Xanh ở Italia, Pháp, Đức đã hợp tác với Đảng xã hội - dân chủ trở thành lực lượng cánh tả trong Quốc hội. Trong cuộc bầu cử năm 2002, Đảng xã hội - dân chủ Đức đã phải dựa vào Đảng Xanh để có thể tiếp tục nắm quyền. Đảng Xanh đã trở thành lực lượng chính trị không thể xem thường và hiện vẫn tiếp tục lớn mạnh. Thành viên của các phong trào xã hội mới này thuộc các giai tầng trong xã hội, nhưng chủ yếu là thanh niên và trí thức. Họ có thái độ phê phán CNTB, nhưng họ cũng giữ một khoảng cách nhất định đối với các ĐCS, hình thành một lực lượng chính trị độc lập. Sự ra đời các Đảng Xanh đã làm xáo trộn cục diện chính trị ở các nước TBPT, nhưng tác động to lớn hơn cả là đối với các ĐCS. Vì trong bức tranh chính trị ở các nước TBPT, phong trào xã hội mới đã có màu sắc cánh hữu nhiều hơn. Họ phân hoá lực lượng quần chúng, vốn là trung gian thiên tả, có truyền thống ủng hộ ĐCS.

ĐCS ở các nước TBPT chưa kịp thời nắm bắt những thay đổi xã hội và những phát triển khách quan để xây dựng đảng lớn mạnh.

Sự sa sút của ĐCS ở khu vực này có nguyên nhân chủ quan từ phía các ĐCS ở các nước TBPT. Trong thời gian dài, trước sự lớn mạnh và ảnh hưởng sâu rộng của ĐCS Liên Xô, ĐCS ở những nước TBPT thụ động, giáo điều hoá chủ nghĩa Mác - Lênin, những kinh nghiệm của ĐCS Liên Xô, không kịp thời nắm bắt những chuyển biến xã hội và những bước phát triển nhanh chóng của đất nước. Lý luận và cương lĩnh của ĐCS lạc hậu so với thực tế khách quan, dần dần mất đi sự ủng hộ của nhân dân

lao động, cuối cùng bước vào con đường suy thoái. Điều đó thể hiện ở những giai đoạn sau:

Vào cuối những năm 50, ở các nước TBPT những thay đổi về cơ cấu giai cấp, cơ cấu xã hội đã bắt đầu rõ nét. Nếu kịp thời nhận ra, nắm chắc cơ hội, ứng phó tốt, các ĐCS có thể mở rộng cơ sở giai cấp - xã hội thì sẽ có bước phát triển mới.

Vào những năm 70, những vấn đề bảo vệ hoà bình, bảo vệ môi trường - sinh thái, bảo vệ quyền lợi phụ nữ... đã thu hút sự quan tâm, tham gia của đông đảo quần chúng. Nếu các ĐCS nắm được tình hình này, chủ động điều chỉnh thì có thể đoàn kết, tập hợp lực lượng, nâng cao vai trò của ĐCS.

Vào những năm 90, dù Liên Xô tan rã tác động hết sức nặng nề đối với các ĐCS châu Âu, nhưng nếu họ kịp thời nắm bắt được xu thế phát triển của toàn cầu hoá, đưa ra được những chủ trương chiến lược đáp ứng những yêu cầu mới thì phong trào cũng có thể thu được kết quả. Đáng tiếc là đứng trước sự thay đổi của thời cuộc, ĐCS ở các nước TBPT không giữ vững được vai trò, lực lượng của mình.

Từ sự thoái trào của phong trào cộng sản ở các nước TBPT, có thể rút ra một số bài học hết sức sâu sắc, có ý nghĩa to lớn đối với quá trình xây dựng ĐCS.

Một là, cần nắm chắc sự thay đổi, phát triển của lực lượng sản xuất, không ngừng củng cố và phát triển cơ sở giai cấp, cơ sở quần chúng-xã hội của ĐCS. Nguyên nhân cơ bản của sự thoái trào của ĐCS ở các nước TBPT là ở chỗ các ĐCS đã không kịp thời phát hiện sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất và đi cùng với nó là sự thay đổi sâu sắc về kết cấu giai cấp, cơ cấu nghề nghiệp. Chỉ có trên cơ sở nắm chắc những thay đổi đó mới kịp thời điều chỉnh lý luận, cương lĩnh, chiến lược, sách lược của ĐCS, xây dựng cho đảng cơ sở xã hội vững chắc và rộng rãi nhất. Xa rời vấn đề này, đảng không có điều kiện để phát triển.

Hai là, phải nắm chắc tình hình phát triển của đất nước, độc lập tìm kiếm con đường đi thích hợp cho mình. Đảng không được phép xa rời tình hình thực tế của đất nước, độc lập tự chủ giải quyết những vấn đề mà thực tiễn đặt ra; phải phát huy tính độc lập sáng tạo để đưa sự nghiệp cách mạng phát triển; không ỷ lại trông chờ sự viện trợ, giúp đỡ từ bên ngoài hay rập khuôn, áp dụng cứng nhắc một mô hình có sẵn.

Ba là, phải kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời căn cứ vào sự thay đổi của tình hình và xu hướng phát triển của thời đại để có hình thức, bước đi thích hợp. Chủ nghĩa Mác- Lênin là vũ khí lý luận, nền tảng tư tưởng của các ĐCS. Chủ nghĩa Mác- Lênin cung cấp cho ĐCS thế giới quan, phương pháp luận chứ không phải để áp dụng một cách giáo điều, cứng nhắc. Trong thời gian dài, các ĐCS ở các nước TBPT đã không vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo học thuyết của những nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, nên đứng trước sự phát triển của thời đại, những thay đổi to lớn ngay trong lòng các nước TBPT, những người cộng sản ở đây đã không đưa ra được những luận giải khoa học kịp thời, không đề xuất được những chủ trương, đổi mới lý luận; không xác định đúng đắn phương châm chiến lược, sách lược hoạt động của đảng. Đó chính là một số bài học đắt giá được rút ra từ thực trạng phong trào cộng sản ở các nước TBPT nửa thế kỷ qua.

1. Các cuộc cải cách ở Đông Âu như Hunggari, Ba Lan 1956, Tiệp Khắc 1968 (Đề tài KX01-03-02).

2. ĐCS Pháp (PCF) năm 1983 có 70 vạn đảng viên, ĐCS Hy Lạp (KKE) năm 1983 có 50 ngàn, ĐCS Bồ Đào Nha (PCP) 7 - 1980 có 187 ngàn, ĐCS Tây Ban Nha (PCE) 1981 có 100 ngàn, ĐCS Đức (DKP) 1980-1985 có 80 ngàn, ĐCS Anh (CPGB) 1980 có 17.700, ĐCS Italia (CPI) thập niên 80 có 1,7 triệu.